



Số: 1037/2025/QTMT/QTĐK

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

- Thời gian lấy mẫu: Ngày 13 tháng 11 năm 2025.
- Thời gian thử nghiệm: từ ngày 13/11/2025 đến ngày 22/11/2025.
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ $25 \pm 10^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 10\%$
- Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc định kì đợt 04 năm 2025 tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh.
- Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc Hiện trường ☒ Gửi Phòng thí nghiệm ☐
- Vị trí lấy mẫu: (KT₂₃₄) Tại ống khói lò hơi, điểm lấy mẫu có tọa độ: $105^{\circ}53'41,3''$ (Đ); $18^{\circ}17'46,8''$ (B).
- Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	25.552
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	24
3	Cacbon monoxit (CO)	SOP.HT.07.61	mg/Nm ³	136
4	Lưu huỳnh đioxit, (SO ₂)	SOP.HT.07.61	mg/Nm ³	192
5	Nitơ oxit (NO _x) (tính theo NO ₂)	SOP.HT.07.61	mg/Nm ³	40,1

Ghi chú:

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN HIỆN TRƯỜNG

Nguyễn Tuân

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số: .../2025/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 13 tháng 11 năm 2025.
2. Thời gian thử nghiệm: từ ngày 13/11/2025 đến ngày 22/11/2025.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ $25 \pm 10^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 10\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc định kì đợt 04 năm 2025 tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh.
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường ☒ Gửi phòng thử nghiệm ☐
6. Vị trí lấy mẫu:

- NT₃₉₂: Nước thải đầu vào tại bể thu gom của hệ thống xử lý tập trung, điểm lấy mẫu có toạ độ: 105°53'38,66" (Đ); 18°17'41,00" (B);

- NT₃₉₃: Nước thải sau hệ thống xử lý (trước khi xả ra môi trường), điểm lấy mẫu có toạ độ: 105°53'38,33" (Đ); 18°17'40,41" (B);

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	
				NT ₃₉₂	NT ₃₉₃
1	Lưu lượng ⁽¹⁾	SOP.HT.07.36	m ³ /h	67	120
2	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,9
3	Nhiệt độ ⁽¹⁾	SMEWW 2550B:2023	°C	28,4	25,4
4	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	427	43,1
5	BOD ₅	TCVN 6001-1:2021	mg/l	241	7,3
6	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	900	12
7	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	350	20
8	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	90,9	0,56
9	Tổng Phenol	TCVN 6216: 1996	mg/L	0,25	<0,001
10	Sunfua (H ₂ S)	SMEWW 4500-S ² B&D:2023	mg/l	23,3	<0,04
11	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	92	17,1
12	Tổng Phospho	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/l	10	2,1
13	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	6.300	2.200
14	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/l	3,7	<1,0

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
 - Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
- Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn